TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2022/QĐST - DS	*G, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự; các khoản 2, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 07/2022/TLST- DS, ngày 03 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

Trụ sở: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D- chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A- chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý.

Đại diện theo ủy quyền lại: ông Vũ Tuấn N – Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản ủy quyền ngày 16/5/2022).

- Bị đơn: vợ chồng anh Bùi Như Ng, sinh năm 1990 và chị Trần Thị Ph, sinh năm 1993.

Trú tại: xóm 3 Th, xã G, huyện G, tỉnh N.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung: Ngân hàng TMCP Việt Nam Th và vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph cùng thống nhất như sau:

Năm 2017, vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph có vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Th theo hợp đồng tín dụng số 12091701, ngày 20/02/2017, giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 06/8/2019, giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ dịch vụ Ngân hàng điện tử ngày 17/9/2018, hợp đồng cho vay số LD1915803999, ngày 07/6/2019 với tổng số tiền vay là 760.600.000 đồng. Sau khi giải ngân, phía anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 20/01/2020.

Tính đến ngày 19/8/2022, vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph còn nợ Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền là **476.973.731 đồng** (*bốn trăm bẩy mươi sáu triệu chín trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm ba mươi mốt đồng*). Trong đó bao gồm: tiền gốc là 301.577.315 đồng; tiền lãi phải trả là 175.396.866 đồng (trong đó lãi trong hạn là 20.310.191 đồng và tiền lãi qua hạn là 155.086.675 đồng).

2.2. Về trách nhiệm trả nợ:

Vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th tổng số nợ tính đến ngày 19/8/2022 là **476.973.731 đồng** (*bốn trăm bẩy mươi sáu triệu chín trăm bẩy mươi ba nghìn bẩy trăm ba mươi mốt đồng*). Trong đó bao gồm: tiền gốc là 301.577.315 đồng; tiền lãi phải trả là 175.396.866 đồng (trong đó lãi trong hạn là 20.310.191 đồng và tiền lãi qua hạn là 155.086.675 đồng), và phải tiếp tục trả số tiền lãi, lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng cho vay, kể từ ngày 20/8/2022 cho đến khi anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph thanh toán xong khoản nợ trên cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Việt Nam Th có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, số khung 42A6HC101945, số máy G4NAGH555916, biển kiểm soát 35A-086.30, giấy chứng nhận đăng ký xe số 011545 do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh N cấp ngày 17/02/2017 mang tên Bùi Như Ng. Nếu các tài sản đã thế chấp bị hư hỏng, hoặc không còn tồn tại, hoặc không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th thì phía anh Ngọc và chị Phương đồng ý sử dụng các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph để trả nợ cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th.

2.4. Về án phí: vợ chồng anh Bùi Như Ng, chị Trần Thị Ph phải nộp số tiền 11.539.000 đồng (*mười một triệu năm trăm ba mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Th số tiền tạm ứng

án phí đã nộp là 11.046.000 đồng (*mười một triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0004042, ngày 03 tháng 6 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc